

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2022/HSST**

Ngày: 15/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Bá Dương**
Ông **Trần Văn Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thúy Liên**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2022/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/HSST-QĐ ngày 21/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Thái H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 14/10/1991; tại TP.Hà Nội

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, thị xã S, TP. Hà Nội;

Nơi ở: Số 78 P 8, P. H, Q. C, TP.Đà Nẵng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 12/12;

Tiền án; tiền sự: Không;

Họ và tên cha: Lương Văn C (SN: 1964, còn sống);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N (SN: 1965, còn sống);

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/6/2022, ngày 22/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh của VKSND quận Ngũ Hành Sơn. Bị cáo hiện đang tại ngoại. *Có mặt tại phiên toà.*

2. Họ và tên: **Phùng Quang L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 22/4/1999; tại TP.Hà Nội

Nơi ĐKKHKT: Tổ 02 Ái Mỹ, P.T, thị xã S, TP.Hà Nội;

Nơi ở: Số 78 P 8, P. H, Q.C, TP.Đà Nẵng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 12/12;

Tiền án; tiền sự: Không;

Họ và tên cha: Phùng Văn N (SN: 1965, còn sống);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T (SN: 1971, còn sống);

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/6/2022, ngày 22/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh của VKSND quận Ngũ Hành Sơn. Bị cáo hiện đang tại ngoại. *Có mặt tại phiên toà.*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Phan Minh H** (SN: 1982; trú: Tổ 18 P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng);

2. Bà **Trịnh Thị Thu N** (SN: 1982; trú: Số nhà 30/3 Hà Bổng, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng);

3. Bà **Nguyễn Huỳnh Hồng N** (SN: 1993; trú: Thôn Cẩm Toại Trung, X. Hòa Phong, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng).

4. Bà **Huỳnh Thị Hoàng T** (SN: 1988; trú: Tổ 20 P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng).

5. Bà **Huỳnh Thị T** (SN: 1992; trú: Tổ 40 P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng).

6. Ông **Bạch Thái H** (SN: 1993; trú: Số 291 Hồ Nghinh, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng).

7. Bà **Trương Thị T** (SN: 1972; trú: Tổ 03 Yên Nê 1; X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng).

8. Ông **Thái Nguyễn Minh H** (SN: 1980; trú: Tổ 18 P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng).

9. Bà **Trần Thị L** (SN: 1987; trú: Tổ 73 P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng).

10. Bà **Kiều Thị Thiên H** (SN: 1972; trú: Số 38/6 Phạm Cự Lượng, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng).

11. Bà **Trần Thị Thùy T** (SN: 1990; trú: K6/16A Nguyễn Văn Thoại, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng).

12. Bà **Nguyễn Thị Thanh V** (SN: 1976; trú: Số 438/2 Nguyễn Tri Phương, tổ 15 P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng).

13. Bà **Trần Thị Mỹ D** (SN: 1990; trú: Số 93 Nguyễn Viết Xuân, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng).

14. Bà **Dương Thị Ngọc N** (SN: 1975; trú: 235/38 Ông Ích Khiêm, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng).

15. Ông **Phan Văn Ngọc P** (SN: 1979; trú: Tổ 17 P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng).

16. Bà **Lê Thị Xuân T** (SN: 1987; trú: 162/1 Tô Hiến Thành, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng).

17. Ông **Nguyễn Văn H** (SN: 1993; trú: Thôn Hà My Đông B; Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam).

18. Bà **Nguyễn Thị Mỹ T** (SN: 1993; trú: Tổ 13 Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng).

19. Bà **Nguyễn Thị Ngọc M** (SN: 1988; trú: K1/14C đường Trung Nữ Vương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng).

20. Bà **Ngô Thị Kim A** (SN: 1973; trú: Tổ 48 P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng).

21. Ông **Nguyễn Phương N** (SN: 1976; trú: 78 Phước Tường 8, P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng).

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/6/2022, tại khu vực P.Khuê Mỹ, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng phát hiện Phùng Quang L đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade BKS 74L1-249.97 có biểu hiện nghi vấn nên dừng kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, phát hiện điện thoại di động của Linh có nhiều tin nhắn liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng mời về làm việc. Quá trình làm việc, Phùng Quang L khai nhận hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn TP.Đà Nẵng cùng Lương Thái H (BL: 06).

Đến 09 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Thái H tại Phòng 608, căn hộ Mường Thanh, địa chỉ số 51 đường Trần Bạch Đằng, P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng. Thu giữ của Lương Thái H (BL: 07-08):

+ 01 Ipad màu đen, số máy MK2K3ZAIA số seri: YJR69MM40;

+ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 357284085924123;
 + 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, imel: 355763101871915;
 + 01 ĐTDĐ iphone màu đen, số imel: 359499084965723;
 + 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu vàng, iem; 353369284735372; gắn sim số 0931934333;

+ 01 CMND mang tên Lương Thái H; 01 thẻ ngân hàng ACB, **01 thẻ ngân hàng Đông Á**, 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ 4220768800557702) và 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ: 4221498664669968) tất cả mang tên Lương Thái H.

Vào lúc 10 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phùng Quang L tại Phòng 404, căn hộ cho thuê Bizciti, địa chỉ số 25-27 đường Khuê Mỹ Đông 3, P.Khuê Mỹ, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng. Thu giữ của Phùng Quang L (BL: 10-11):

- + 01 CMND số 201447463 mang tên Nguyễn Thị Túy Nguyệt;
- + 01 CMND số 2014747125 mang tên Nguyễn Thị Ái Huyền;
- + 01 CCCD số 048079000509 mang tên Phan Văn Ngọc P;
- + 01 giấy CNĐK hộ kinh doanh số 32A8034687 mang tên Ngô Quỳnh Anh;
- + Tiền mặt: 15.800.000 đồng.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng còn thu giữ các đồ vật, tài sản khác của:

- Lương Thái H (BL: 09):

+ 01 đồng hồ đeo tay dây màu xanh, mặt kim loại màu vàng có chữ Frank Muller; 01 nhẫn kim loại màu trắng phía trong có chữ Ytaly; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trong có chữ MJ610H.27; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng – trắng có ghi chữ HA; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng – trắng;

- + 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu đen, BKS 43A-638.96;
- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 29P9-0532;
- + Số tiền 4.200.000 đồng.

- Phùng Quang L (BL: 12):

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352182864487657; số Imei 2: 352182866487;

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Iemi: 357262093988470; gắn sim số 0908396383

+ 01 ví da màu đen, bên trong có một số giấy tờ gồm: 02 CCCD mang tên Phùng Quang L; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Hồng (BKS 74L1-24997); 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Phùng Quang L;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ BKS 74L1-249.97 cùng 01 chìa khóa xe máy.

Quá trình điều tra, Lương Thái H và Phùng Quang L khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như:

Trong khoảng thời gian năm 2021 đến tháng 6/2022, Lương Thái H rủ Phùng Quang L (là anh em họ hàng) vào thành phố Đà Nẵng thuê trọ tại phường Mỹ An và phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn để hoạt động cho vay lãi nặng. Nguồn vốn cho vay do Huấn cung cấp. Hàng tháng, Huấn trả cho Linh số tiền 7.000.000 đồng và cuối năm sẽ thanh toán một lần, ngoài ra Huấn lo chi phí ăn ở, sinh hoạt thì Linh đồng ý. Linh đã làm cho Huấn 05 tháng với số tiền công là 35.000.000 đồng (Linh chưa nhận được số tiền này).

Lương Thái H và Phùng Quang L đã sử dụng phương thức thủ đoạn trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như sau: Đăng tin trên mạng xã hội Face book, in thẻ quảng cáo, các tờ rơi về việc cho vay nhanh chóng, không cần thế chấp kèm thông tin số điện thoại liên hệ của Huấn và Linh. Sau đó, cả hai đi phát tại các khu vực chợ, khu vực đông dân cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Khi có người liên hệ cần vay thì Huấn, Linh trực tiếp đến gặp người cần vay để kiểm tra địa chỉ nhà, địa chỉ nơi làm việc, giấy tờ tùy thân. Sau khi kiểm tra xác nhận các thông tin của người vay thì Huấn xuất tiền đưa cho người vay hoặc đưa cho Linh để Linh đi cho vay.

Cách thức vay và trả: Người vay trả góp (cả tiền gốc và tiền lãi) trong 30 ngày, 40 ngày, 48 ngày hoặc 50 ngày; hoặc các đối tượng có thể lấy trước số tiền lãi sau đó người

vay tiếp tục trả góp tiền gốc mỗi ngày cho đến khi đưa đủ số ngày đã thỏa thuận. Các đối tượng cho vay với lãi suất từ 146%-243,3%/năm (gấp 7,3 lần đến 12,16 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%). Huân và Linh sẽ đưa tiền cho vay bằng cách giao tiền trực tiếp. Người vay trả tiền vay qua tài khoản ngân hàng của Huân (ngân hàng TMCP Á Châu – gọi tắt ACB, số tài khoản 1989388888), của Linh (ngân hàng Quân đội - gọi tắt MB số tài khoản 0395041404; ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – gọi tắt Techcombank số tài khoản 19036832991010) hoặc có thể đưa tiền mặt.

Tổng số tiền mà các đối tượng đã sử dụng để cho vay là khoảng **825.000.000 đồng**, với tổng số tiền thu lợi bất chính: **132.786.053 đồng** (lãi suất >20% lãi xuất cao nhất do Nhà nước quy định). Cụ thể các đối tượng đã cho **20 người vay** với tổng 41 lượt vay, cụ thể:

- Lương Thái H cho 07 người vay cụ thể:

1. Phan Minh H (SN: 1982; trú: Tổ 18 P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng): Vay 120.000.000 đồng; 03 lượt; gói vay 30 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 800.000 đồng; lãi suất 243,3%/năm; tổng số tiền Hiệp đã trả 72.000.000 đồng (gốc 60.000.000 đồng; lãi 12.000.000 đồng); lãi được phép thu: 986.301 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 11.013.600 đồng.

2. Trịnh Thị Thu N (SN: 1982; trú: P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng): Vay 40.000.000 đồng; 02 lượt; gói vay 50 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 500.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 41.000.000 đồng (gốc 32.800.000 đồng; lãi 8.200.000 đồng); lãi được phép thu: 898.630 đồng; số tiền người vay chưa trả 9.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 7.301.362 đồng.

3. Nguyễn Huỳnh Hồng N (SN: 1993; trú: X.Hòa Phong, H.Hòa Vang, TP.Đà Nẵng): Vay 40.000.000 đồng; 02 lượt; gói vay 40 ngày; lấy trước tiền lãi 8.000.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 29.600.000 đồng (gốc 21.600.000 đồng); lãi được phép thu 1.424.675 đồng; số tiền người vay chưa trả 10.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 7.123.280. đồng.

4. Huỳnh Thị Hoàng T (SN: 1988; trú: Tổ 20 P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng): Vay 60.000.000 đồng; 03 lượt; gói vay 50 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 500.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 65.000.000 đồng (gốc 52.000.000 đồng; lãi 13.000.000 đồng); lãi được phép thu 1.643.835 đồng; số tiền người vay chưa trả 10.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 11.575.330 đồng.

5. Huỳnh Thị T (SN: 1992; trú: Tổ 40 P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng): Vay 60.000.000 đồng; 03 lượt; gói vay 40 ngày; lấy trước tiền lãi 12.000.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 36.000.000 đồng (gốc); lãi được phép thu 1.643.835 đồng; số tiền người vay chưa trả 24.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 10.684.920 đồng.

6. Bạch Thái H (SN: 1993; trú: P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng): Vay 40.000.000 đồng; 01 lượt; gói vay 50 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 1.000.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 43.000.000 đồng (gốc 34.400.000 đồng; lãi 8.600.000 đồng); số tiền người vay chưa trả 7.000.000 đồng; lãi được phép thu 942.466 đồng. Thu lợi bất chính 7.657.526 đồng.

7. Trương Thị T (SN: 1972; trú: Tổ 03 Yên Nê 1; X.Hòa Tiến, H.Hòa Vang, TP.Đà Nẵng): Vay 140.000.000 đồng; 04 lượt vay; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 600.000 đồng và 2.500.000 đồng (đối với 80.000.000 đồng vay lần cuối); lãi suất 182,5% và 228,125%/năm; tổng số tiền đã trả 112.000.000 đồng (gốc 92.000.000 đồng; lãi 20.000.000 đồng); lãi được phép thu 1.687.671 đồng; số tiền người vay chưa trả 60.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 15.312.314 đồng.

- Phùng Quang L cho 13 người vay cụ thể:

1. Thái Nguyễn Minh H (SN: 1980; trú: Tổ 18 P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng): Vay 100.000.000 đồng; 05 lượt; gói vay 30 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 800.000 đồng; lãi suất 243,3%/năm; tổng số tiền đã trả 112.000.000 đồng (gốc 93.333.000 đồng; lãi 18.666.000 đồng); lãi được phép thu 1.643.835 đồng; số tiền người vay chưa trả 8.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 17.132.360 đồng.

2. Trần Thị L (SN: 1987; trú: Tổ 71 P.Hòa An, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng): Vay 20.000.000 đồng; 01 lượt; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 600.000 đồng;

lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 18.000.000 đồng (gốc 15.000.000 đồng; lãi 3.000.000 đồng); lãi được phép thu 438.356 đồng; số tiền người vay chưa trả 6.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 2.671.230 đồng.

3. Kiều Thị Thiên H (SN: 1972; trú: P.An Hải Đông, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng): Vay 20.000.000 đồng; 01 lượt; gói vay 48 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 500.000 đồng; lãi suất 152,98%/năm; tổng số tiền đã trả 21.000.000 đồng (gốc 17.500.000 đồng; lãi 3.500.000 đồng); lãi được phép thu 438.356 đồng; số tiền người vay chưa trả 3.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 3.039.230 đồng.

4. Trần Thị Thùy T (SN: 1990; trú: P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng): Vay 30.000.000 đồng; 02 lượt; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 300.000 đồng (số tiền vay 10.000.000 đồng) 600.000 đồng (cho số tiền vay 20.000.000 đồng); lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 32.400.000 đồng (gốc 27.000.000 đồng; lãi 5.400.000 đồng); lãi được phép thu 657.534 đồng; số tiền người vay chưa trả 3.600.000 đồng. Thu lợi bất chính 4.808.234 đồng.

5. Nguyễn Thị Thanh V (SN: 1976; trú: Tổ 15 P.Hòa Thuận Tây, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng): Vay 5.000.000 đồng; 01 lượt; gói vay 30 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 200.000 đồng; lãi suất 243,4%; tổng số tiền đã trả 3.800.000 đồng (gốc 3.166.667 đồng; lãi 633.33 đồng); lãi được phép thu 82.192 đồng; số tiền người vay chưa trả 2.200.000 đồng. Thu lợi bất chính 581.286 đồng.

6. Trần Thị Mỹ D (SN: 1990; trú: P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng): Vay 10.000.000 đồng; 01 lượt vay; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 300.000 đồng; lãi suất 182,5%; tổng số tiền đã trả 11.100.000 đồng (gốc 9.250.000 đồng; lãi 1.850.000 đồng); lãi được phép thu 219.178 đồng; số tiền người vay chưa trả 900.000 đồng. Thu lợi bất chính 1.647.277 đồng.

7. Dương Thị Ngọc N (SN: 1975; trú: P.Hải Châu 2, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng): Vay 20.000.000 đồng; 02 lượt; gói vay 50 ngày; lấy tiền lãi trước 4.000.000 đồng; lãi suất 146%/năm; tổng số tiền đã trả 14.560.000 đồng (gốc 10.560.000 đồng); lãi được phép thu

547.946 đồng; số tiền người vay chưa trả 5.440.000 đồng. Thu lợi bất chính 3.452.100 đồng.

8. Phan Văn Ngọc P (SN: 1979; trú: Tổ 17 P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng): Vay 10.000.000 đồng; 02 lượt; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 150.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 8.250.000 đồng (gốc 6.875.000 đồng; lãi 1.375.000 đồng); lãi được phép thu 219.178 đồng; số tiền người vay chưa trả 3.750.000 đồng. Thu lợi bất chính 1.224.300 đồng.

9. Lê Thị Xuân T (SN: 1987; trú: P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng): Vay 40.000.000 đồng; 01 lượt vay; gói vay 50 ngày; lấy tiền lãi trước 8.000.000 đồng; lãi suất 146%/năm; tổng số tiền đã trả 31.680.000 đồng (gốc 23.680.000 đồng); lãi được phép thu 1.095.890 đồng; số tiền người vay chưa trả 8.320.000 đồng. Thu lợi bất chính 6.904.100 đồng.

10. Nguyễn Văn H (SN: 1993; trú: Hà My Đông B; P.Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T.Quảng Nam): Vay 50.000.000 đồng; 02 lượt vay; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/01 ngày 900.000 đồng (vay 30.000.000 đồng) và 600.000 đồng (vay 20.000.000 đồng); lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 55.200.000 đồng (gốc 46.000.000 đồng; lãi 9.200.000 đồng); lãi được phép thu 1.095.890 đồng; số tiền người vay chưa trả 4.800.000 đồng. Thu lợi bất chính 8.191.792 đồng.

11. Nguyễn Thị Mỹ T (SN: 1993; trú: Tổ 13 P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng): Vay 20.000.000 đồng; 02 lượt vay; gói vay 40 ngày; lấy tiền lãi trước 4.000.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền đã trả 15.000.000 đồng (gốc 11.000.000 đồng); lãi được phép thu 438.356 đồng; số tiền người vay chưa trả 5.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 3.561.680 đồng.

12. Nguyễn Thị Ngọc M (SN: 1988; trú: K1/14C đường Trung Nữ Vương, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng): Vay 20.000.000 đồng; 02 lượt vay; gói vay 40 ngày; số tiền gốc và lãi phải trả/ngày 300.000 đồng; lãi suất 182,5%; tổng số tiền đã trả 19.200.000 đồng (gốc 16.000.000 đồng; lãi 3.200.000 đồng); lãi được phép thu 438.356 đồng; số tiền người vay chưa trả 4.800.000 đồng. Thu lợi bất chính 2.849.344 đồng.

13. Ngô Thị Kim A (SN: 1973; trú: Tổ 48 P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng): Vay 40.000.000 đồng; 02 lượt; gói vay 40 ngày; lấy tiền lãi trước 4.000.000 đồng; lần vay sau trả tiền lãi và gốc/ngày 600.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm; tổng số tiền thu được 41.200.000 đồng (gốc 54.000.000 đồng; lãi 6.800.000 đồng); thu lợi bất chính 6.054.788 đồng; số tiền người vay chưa trả 6.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Lương Thái H cho 20 người vay (Huân trực tiếp cho 07 người vay; Linh trực tiếp cho 13 người vay) với 41 lượt vay là khoảng **825.000.000 đồng**; lãi suất từ 146%-243,3%/năm (gấp 7,3 lần đến 12,16 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%). Tổng số tiền thu được **781.990.000 đồng** (gốc 630.165.000 đồng; lãi 151.825.000 đồng). Tổng số tiền người vay chưa trả **183.010.000 đồng**. Thu lợi bất chính là **132.786.053 đồng** (lãi suất >20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định). Lãi suất được phép thu **16.410.959 đồng** (lãi suất =20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định).

Ngoài ra, các đối tượng còn khai nhận cho nhiều người khác vay nhưng không nhớ thông tin cá nhân, không nhớ số tiền vay, số lãi thu được, đồng thời Cơ quan CSĐT Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã thông báo tìm những người liên quan đến hoạt động vay của Lương Thái H và Phùng Quang L nhưng không có kết quả.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 61/CT-VKS- NHS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân quận Ngũ Hành Sơn và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố **Lương Thái H, Phùng Quang L** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đồng thời đề nghị:

1. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Thái H** từ 09 tháng đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền: 30.000.000đ đến 50.000.000đ.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phùng Quang L** từ 06 tháng đến 09 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

* Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước của:

1. Lương Thái H:

+ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 357284085924123;

+ 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, imel: 355763101871915;

+ 01 ĐTDĐ iphone màu đen, số imel: 359499084965723;

+ 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu vàng, iem; 353369284735372;

2. Phùng Quang L:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352182864487657; số Imei 2: 352182866487;

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Iemi: 357262093988470;

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy của:

+ Lương Thái Huân: 01 sim điện thoại số 0931934333; 01 thẻ ngân hàng ACB, 01 thẻ ngân hàng Đông Á, 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ 4220768800557702) và 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ: 4221498664669968) tất cả mang tên Lương Thái H;

+ Phùng Quang L: 01 sim điện thoại số 0395041404; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Phùng Quang L;

- Đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo quy trữ thi hành án của:

+ Lương Thái H số tiền 4.200.000 đồng;

+ Phùng Quang L số tiền 15.800.000 đồng.

+ Số tiền 175.528.990 đồng mà gia đình Huân và Linh đã nộp khắc phục hậu quả.

- Đề nghị trả lại cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội, cho:

+ Lương Thái H: 01 CMND mang tên Huân; 01 đồng hồ đeo tay dây màu xanh, mặt kim loại màu vàng có chữ Frank Muller; 01 nhẫn kim loại màu trắng phía trong có chữ Ytaly; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trong có chữ MJ610H.27; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng – trắng có ghi chữ HA; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng – trắng; 01 Ipad màu đen, số máy MK2K3ZAIA số seri: YJR69MM40;

+ Phùng Quang L: 01 ví da màu đen, bên trong có một số giấy tờ gồm: 02 CCCD mang tên Linh;

+ Phan Văn Ngọc P (SN: 1979; trú: Tổ 17 P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng) 01 CCCD số 048079000509 mang tên Phước;

- Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng đã trả lại cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ (BL: 166-170): 01 xe ô tô Hyundai Santafe màu đen BKS 43A-648.96 cho anh Nguyễn Phương N (SN: 1976; trú: số 78 Phước Tường 8, P.Hòa Phát, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng).

- Hết thời hạn điều tra, Cơ quan CSĐT Công an Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng chưa làm việc được với chủ sở hữu, chưa xác minh được tính pháp lý các tài sản, đồ vật thu giữ được của các chủ sở hữu, người liên quan, người quản lý, sử dụng. Nên cần tiếp tục tạm giữ để điều tra:

+ 01 CMND số 201447463 mang tên Nguyễn Thị Túy Nguyệt;

+ 01 CMND số 2014747125 mang tên Nguyễn Thị Ái Huyền;

+ 01 giấy CNĐK hộ kinh doanh số 32A8034687 mang tên Ngô Quỳnh Anh;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ BKS 74L1-249.97 cùng 01 chìa khóa xe máy và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Hồng (BKS 74L1-24997);

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 29P9-0532 của bà Nguyễn Thị Thanh (trú: Tổ 9B, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội).

- Đối với các trường hợp cho vay khác, các bị cáo khai nhận không nhớ nhân thân lai lịch cụ thể, số tiền vay, số tiền thu lợi bất chính, Cơ quan CSĐT Công an Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng chưa làm việc được với người vay, sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với số tiền gốc Lương Thái H sử dụng để cho vay lãi nặng mà Huấn thu được: 630.165.000 đồng đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi >20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định: 132.786.053 đồng đề nghị Lương Thái H trả lại cho những người vay.

- Đối với số tiền lãi được phép thu được (= 20% lãi suất cao nhất do Nhà nước quy định): 16.410.000 đồng mà Huân và Linh đã thu (tiền này do Huân giữ) đề nghị truy thu của Lương Thái H sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền hàng tháng Phùng Quang L được Lương Thái H thỏa thuận, hứa trả 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế Huân chưa trả số tiền này cho Linh nên không có căn cứ truy thu của Linh.

- Đối với số tiền vay mà người vay chưa trả: 183.010.000 đồng (tiền gốc và lãi) đây là số tiền các bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị truy thu của những người vay để sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lương Thái H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong

khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 6/2022, **Lương Thái H** và **Phùng Quang L** đã tham gia tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tổng số tiền mà các đối tượng đã sử dụng để cho 20 người vay với 41 lượt vay là khoảng 825.000.000 đồng, với lãi suất từ 146%-243,3%/năm (gấp 7,3 lần đến 12,16 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%). Tổng số tiền mà Huân và Linh thu lợi bất chính là **132.786.591 đồng**.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tuy vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng, nhưng hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người vay, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi mà không phải thông qua lao động chân chính, lợi dụng việc người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp, để cho người vay tiền phải chịu mức lãi suất quá cao so với quy định của Nhà nước.

Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, hành vi nêu trên của Lương Thái H, Phùng Quang L đã cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 61/CT-VKS- NHS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, bị cáo Lương Thái H đóng vai trò là người khởi xướng, rủ rê, tự bỏ vốn và tự mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng; bị cáo Phùng Quang L đóng vai trò giúp sức và thực hành tích cực cho bị cáo Huân trong việc thực hiện hành vi phạm tội, do vậy mức hình phạt của bị cáo Huân cao hơn bị cáo Linh là phù hợp. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên không áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã tác động gia đình nộp lại tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả; ngoài ra, gia đình bị cáo Huân có công với Cách mạng, có ông nội là Liệt sĩ, bản thân bị cáo Huân đã từng tham gia lực lượng Công an nhân dân do vậy cần áp dụng điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lương Thái H, Phùng Quang L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hiện tại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho UBND cấp xã nơi bị cáo đang cư trú để tiếp tục giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài ra, nhằm đề răn đe các bị cáo khác và có tác dụng giáo dục trong việc loại bỏ tình trạng tín dụng đen đang phát triển trong xã hội. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng thêm khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Lương Thái H số tiền 30.000.000đ.

[7] Đối với một số vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với các trường hợp cho vay khác, các bị cáo khai nhận không nhớ nhân thân lai lịch cụ thể, số tiền vay, số tiền thu lợi bất chính, Cơ quan CSĐT Công an Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng chưa làm việc được với người vay, sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[8] **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ điều 47 BLHS, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[8.1] Đối với số tiền lãi >20% lãi xuất cao nhất do Nhà nước quy định, xác định đây là tiền thu lợi bất chính: **132.786.053 đồng** cần buộc Lương Thái H trả lại cho những người vay, cụ thể:

- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Phan Minh H: 11.013.600 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trịnh Thị Thu N: 7.301.362 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Huỳnh Hồng N: 7.123.280 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Huỳnh Thị Hoàng T: 11.575.330 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Huỳnh Thị T: 10.684.920 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Bạch Thái H: 7.657.526 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trương Thị T: 15.312.214 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Thái Nguyễn Minh H: 17.132.360 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trần Thị L: 2.671.230 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Kiều Thị Thiên H: 3.039.230 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trần Thị Thuỳ Trâm: 4.808.234 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Thị Thanh V: 581.286 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trần Thị Mỹ D: 1.647.277 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Dương Thị Ngọc N: 3.452.100 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Phan Văn Ngọc P: 1.224.300 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Lê Thị Xuân T: 6.904.100 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Văn H: 8.191.792 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Thị Mỹ T: 3.561.680 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Thị Ngọc M: 2.849.344 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Ngô Thị Kim A: 6.054.788 đồng

[8.2] Đối với số tiền lãi = 20% tương ứng với mức lãi xuất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định mà Huấn và Linh đã thu của người vay: **16.410.000 đồng** (tiền này do Huấn giữ) cần truy thu của Lương Thái H sung công quỹ Nhà nước.

[8.3] Đối với số tiền hàng tháng Phùng Quang L được Lương Thái H thỏa thuận, hứa trả 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế Huân chưa trả số tiền này cho Linh nên không có căn cứ truy thu của Linh.

[8.4] Đối với số tiền gốc Lương Thái H sử dụng để cho vay lãi nặng mà Huân thu được: **630.165.000 đồng** đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[8.5] Đối với số tiền vay mà người vay chưa trả: **183.010.000 đồng** (tiền gốc và lãi) đây là số tiền các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần truy thu của những người vay để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Truy thu của Trịnh Thị Thu N: 9.000.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Huỳnh Hồng N: 10.400.000 đồng;
- Truy thu của Huỳnh Thị Hoàng T: 10.000.000 đồng;
- Truy thu của Huỳnh Thị Thanh: 24.000.000 đồng;
- Truy thu của Bạch Thái H: 7.000.000 đồng;
- Truy thu của Trương Thị T: 60.000.000 đồng;
- Truy thu của Huỳnh Thị Hoàng T: 10.000.000 đồng;
- Truy thu của Thái Nguyễn Minh H: 8.000.000 đồng;
- Truy thu của Trần Thị L: 6.000.000 đồng;
- Truy thu của Kiều Thị Thiên H: 3.000.000 đồng;
- Truy thu của Trần Thị Thuỳ Trâm: 3.600.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Thị Thanh V: 2.200.000 đồng;
- Truy thu của Trần Thị Mỹ D: 900.000 đồng;
- Truy thu của Dương Thị Ngọc N: 5.440.000 đồng;
- Truy thu của Phan Văn Ngọc P: 3.750.000 đồng;
- Truy thu của Lê Thị Xuân T: 8.320.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Văn H: 4.800.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Thị Mỹ T: 5.000.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Thị Ngọc M: 4.800.000 đồng;
- Truy thu của Ngô Thị Kim A: 6.800.000 đồng;

[8.6] Đối với một số điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Tịch thu của Lương Thái H:
 - + 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 357284085924123;
 - + 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, imel: 355763101871915;
 - + 01 ĐTDĐ iphone màu đen, số imel: 359499084965723;
 - + 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu vàng, iem; 353369284735372;
- Tịch thu của Phùng Quang L:
 - + 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352182864487657; số Imei 2: 352182866487;
 - + 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Iemi: 357262093988470;

[8.7] Tịch thu tiêu hủy của:

- Lương Thái Huân: 01 sim điện thoại số 0931934333; 01 thẻ ngân hàng ACB, **01 thẻ ngân hàng Đông Á**, 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ 4220768800557702) và 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ: 4221498664669968) tất cả mang tên Lương Thái H;

- Phùng Quang L: 01 sim điện thoại số 0395041404; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Phùng Quang L;

[8.8]. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo quy trữ thi hành án của:

- Lương Thái H số tiền 4.200.000 đồng;
- Phùng Quang L số tiền 15.800.000 đồng.

[8.9] Đối với một số giấy tờ, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cần trao trả cho chủ sở hữu, cụ thể:

- Lương Thái H: 01 CMND mang tên Huân; 01 đồng hồ đeo tay dây màu xanh, mặt kim loại màu vàng có chữ Frank Muller; 01 nhẫn kim loại màu trắng phía trong có chữ Ytaly; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trong có chữ MJ610H.27; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng – trắng có ghi chữ HA; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng – trắng; 01 Ipad màu đen, số máy MK2K3ZAIA số seri: YJR69MM40;

- Phùng Quang L: 01 ví da màu đen, bên trong có một số giấy tờ gồm: 02 CCCD mang tên Linh;

- Phan Văn Ngọc P (SN: 1979; trú: Tổ 17 P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng) 01 CCCD số 048079000509 mang tên Phước;

[8.10] Tiếp tục tạm giữ để điều tra:

- 01 CMND số 201447463 mang tên Nguyễn Thị Túy Nguyệt;
- 01 CMND số 2014747125 mang tên Nguyễn Thị Ái Huyền;
- 01 giấy CNĐK hộ kinh doanh số 32A8034687 mang tên Ngô Quỳnh Anh;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ BKS 74L1-249.97 cùng 01 chìa khóa xe máy và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Hồng (BKS 74L1-24997);
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 29P9-0532 của bà Nguyễn Thị Thanh (trú: Tổ 9B, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội).

[8.11] Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp nên không đề cập đến, cụ thể: đã trả lại 01 xe ô tô Hyundai Santafe màu đen BKS 43A-648.96 cho anh Nguyễn Phương N.

[8.12] Đối với số tiền khắc phục hậu quả mà bị cáo Lương Thái H, Phùng Quang L đã nộp **175.528.990 đồng** (trong đó: Huấn là 165.528.990 đồng và Linh là 10.000.000 đồng) theo Biên lai thu số 0001561 ngày 21/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Xét các nội dung đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, về điều khoản luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp các nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí HSST: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lương Thái H, Phùng Quang L** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

1.1. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Thái H 09 (Chín) tháng** tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18 (Mười tám) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/12/2022).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho UBND xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Lương Thái H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung số tiền: **30.000.000đ**.

1.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phùng Quang L 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (mười hai) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/12/2022).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho UBND phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phùng Quang L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[2.1] Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả lại cho những người vay số tiền lãi >20% lãi xuất cao nhất do Nhà nước quy định là **132.786.053 đồng**, cụ thể:

- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Phan Minh H: 11.013.600 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trịnh Thị Thu N: 7.301.362 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Huỳnh Hồng N: 7.123.280 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Huỳnh Thị Hoàng T: 11.575.330 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Huỳnh Thị T: 10.684.920 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Bạch Thái H: 7.657.526 đồng.

- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trương Thị T: 15.312.214 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Thái Nguyễn Minh H: 17.132.360 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trần Thị L: 2.671.230 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Kiều Thị Thiên H: 3.039.230 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trần Thị Thuỳ Trâm: 4.808.234 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Thị Thanh V: 581.286 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Trần Thị Mỹ D: 1.647.277 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Dương Thị Ngọc N: 3.452.100 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Phan Văn Ngọc P: 1.224.300 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Lê Thị Xuân T: 6.904.100 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Văn H: 8.191.792 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Thị Mỹ T: 3.561.680 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Nguyễn Thị Ngọc M: 2.849.344 đồng.
- Buộc bị cáo Lương Thái H phải trả cho Ngô Thị Kim A: 6.054.788 đồng

[2.2] Truy thu của Lương Thái H để sung công quỹ Nhà nước số tiền lãi = 20% tương ứng với mức lãi xuất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định: **16.410.000 đồng**.

[2.3] Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc Lương Thái H sử dụng để cho vay lãi nặng mà Huân thu được: **630.165.000 đồng**.

[2.4] Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền vay mà người vay chưa trả: **183.010.000 đồng**, cụ thể:

- Truy thu của Trịnh Thị Thu N: 9.000.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Huỳnh Hồng N: 10.400.000 đồng;
- Truy thu của Huỳnh Thị Hoàng T: 10.000.000 đồng;
- Truy thu của Huỳnh Thị Thanh: 24.000.000 đồng;
- Truy thu của Bạch Thái H: 7.000.000 đồng;
- Truy thu của Trương Thị T: 60.000.000 đồng;
- Truy thu của Huỳnh Thị Hoàng T: 10.000.000 đồng;
- Truy thu của Thái Nguyễn Minh H: 8.000.000 đồng;

- Truy thu của Trần Thị L: 6.000.000 đồng;
- Truy thu của Kiều Thị Thiên H: 3.000.000 đồng
- Truy thu của Trần Thị Thuỳ Trâm: 3.600.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Thị Thanh V: 2.200.000 đồng;
- Truy thu của Trần Thị Mỹ D: 900.000 đồng;
- Truy thu của Dương Thị Ngọc N: 5.440.000 đồng;
- Truy thu của Phan Văn Ngọc P: 3.750.000 đồng;
- Truy thu của Lê Thị Xuân T: 8.320.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Văn H: 4.800.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Thị Mỹ T: 5.000.000 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Thị Ngọc M: 4.800.000 đồng;
- Truy thu của Ngô Thị Kim A: 6.800.000 đồng;

[2.5] Tịch thu sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Tịch thu của Lương Thái H:
 - + 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 357284085924123;
 - + 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, imel: 355763101871915;
 - + 01 ĐTDĐ iphone màu đen, số imel: 359499084965723;
 - + 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu vàng, iem; 353369284735372;
- Tịch thụ của Phùng Quang L:
 - + 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352182864487657; số Imei 2: 352182866487;
 - + 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Iemi: 357262093988470;

[2.6] Tịch thu tiêu hủy của:

- Lương Thái H: 01 sim điện thoại số 0931934333; 01 thẻ ngân hàng ACB, **01 thẻ ngân hàng Đông Á**, 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ 4220768800557702) và 01 thẻ ngân hàng Techcombank (số thẻ: 4221498664669968) tất cả mang tên Lương Thái H;

- Phùng Quang L: 01 sim điện thoại số 0395041404; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Phùng Quang L;

[2.7] Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo quy trữ thi hành án của:

- Lương Thái H số tiền 4.200.000 đồng;
- Phùng Quang L số tiền 15.800.000 đồng.

[2.8] Trao trả cho chủ sở hữu số giấy tờ, tài sản sau:

- Lương Thái H: 01 CMND mang tên Huân; 01 đồng hồ đeo tay dây màu xanh, mặt kim loại màu vàng có chữ Frank Muller; 01 nhẫn kim loại màu trắng phía trong có chữ Ytaly; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trong có chữ MJ610H.27; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng – trắng có ghi chữ HA; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng – trắng; 01 Ipad màu đen, số máy MK2K3ZAIA số seri: YJR69MM40;

- Phùng Quang L: 01 ví da màu đen, bên trong có một số giấy tờ gồm: 02 CCCD mang tên Linh;

- Phan Văn Ngọc P: 01 CCCD số 048079000509 mang tên Phước;

[2.9] Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền **175.528.990 đồng** (trong đó: Huân là 165.528.990 đồng và Linh là 10.000.000 đồng) theo Biên lai thu số 0001561 ngày 21/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2022).

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí HSST: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận NHS;
- Công an quận NHS;
- Cơ quan THA Hình sự quận NHS;
- Chi Cục THADS quận NHS;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

